TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **26** /2023/HNGĐ-ST
Ngày 03 tháng 7 năm 2023
Về việc: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Viết Vĩnh
2. Ông Nguyễn Văn Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2023 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2023 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST – DS, ngày 15/6/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị P, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị P có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: Anh Tạ Văn D, sinh năm 1996

Địa chỉ: Xóm L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Anh D vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Tạ Văn D tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên vào ngày 15/4/2022. Việc anh chị kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối gì. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc,

nhưng chỉ được một thời gian ngắn thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do Anh D không tôn trọng chị, bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn hiện vợ chồng đang sống ly thân nhau, không thể quay về đoàn tụ tiếp tục chung sống cùng nhau nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tạ Văn D, để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có

Về công nợ chung: Không có

Về phía bị đơn anh Tạ Văn D: Quá trình giải quyết vụ án Anh D không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và nơi cư trú của Anh D xác định: Anh D hiện có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh hoạt, chung sống cùng nhà với bố mẹ đẻ là ông Tạ Văn P và bà Tạ Thị L tại Xóm L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

Do Anh D không đến Tòa án để giải quyết vụ án. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị P vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh D về con chung, tài sản chung, công nợ chung chị xác định không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án:

- Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P và cho Chị P được ly hôn anh Tạ Văn D.

- Về con chung: Chị P xác định không có đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị P và anh Tạ Văn D kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18/2022, ngày 15/4/2022. Vì nhiều nguyên nhân, nay chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Tạ Văn D có nơi cư trú tại Xóm L, xã N, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự tham gia tố tụng của đương sự:

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập các bên đương sự đến Tòa án để tiến hành các thủ tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị P đã đến Tòa án làm bản tự khai, trình bày ý kiến, tham gia phiên họp công khai, tiếp cận chứng cứ và hòa giải theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên, đối với bị đơn anh Tạ Văn D mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh, lập biên bản làm việc tại gia đình anh Tạ Văn D, thì được bố mẹ đẻ của Anh D và chính quyền địa phương cho biết Anh D có hộ khẩu tại địa phương và đang chung sống cùng bố mẹ đẻ là ông Tạ Văn Phụ và bà Tạ Thị Lương, Anh D đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, vợ chồng Anh D, Chị P sống ly thân nhau đã lâu. Ngày 15/6/2023 Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm, nhưng bị đơn anh Tạ Văn D mặc dù đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại

phiên tòa lần thứ nhất không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng Dân sự ra quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST- HNGĐ ngày 15 /6/2023 và đồng thời tiến hành thủ tục tống đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng tại nơi thường trú của bị đơn. Tuy nhiên, tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Tạ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do Chị P xin ly hôn Anh D là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn căng thẳng, ngột ngạt. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ tháng 2 năm 2023 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn Anh D. Xét thấy, Chị P và Anh D không có sự quan tâm, chia sẻ yêu thương nhau trong cuộc sống, hiện vợ chồng vẫn đang sống ly thân nhau, như vậy mục đích hôn nhân giữa Chị P và Anh D không đạt được, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, nên cần chấp nhận cho Chị P được ly hôn Anh D là phù hợp với thực tế và quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Không có

[2.3] Về tài sản chung, công nợ chung: Chị P xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này Chị P và Anh D có tranh chấp về tài sản chung, công nợ chung thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu kiện của chị Nguyễn Thị P, cho Chị P được ly hôn với anh Tạ Văn D.

2. Về con chung: Không có

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002055 ngày 12 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

5. Thông báo về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt (Chị P) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Vắng mặt (Anh D) báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên (01 bản);
- VKS ND huyện, tỉnh (02 bản);
- T.H.A DS huyện (01 bản);
- Các đương sự trong vụ án;
- UBND xã N;
- Lưu HS, VP, bộ phận;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy